

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 9- 2025

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đăng Tuấn

2. Bà Quách Thị Anh Thơ

*Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân khu vực 8- Hưng Yên

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hưng Yên tham gia phiên tòa:*  
bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Điều Thị O, sinh năm 1983

2. Bị đơn: anh Trần Minh D, sinh năm 1980

Đều có địa chỉ: tổ dân phố T, xã L, tỉnh Hưng Yên

(Chị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh D vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Điều Thị O trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Trần Minh D và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 27/01/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau và hiện đã sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh D. Chị và anh D có 03 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 11/7/2004; Trần Thanh T, sinh ngày 11/3/2008 và Trần Mai P, sinh ngày 17/8/2015. Hiện nay con chung là Trần Lan A đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thanh T và Trần Mai P; chị không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Trần Minh D trong bản tự khai đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị O đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, khi anh đi chấp hành án phạt 07 năm tù về thì chị O lạnh nhạt không quan tâm đến anh nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 tháng nay nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin vợ chồng đoàn tụ. Anh và chị O có 03 con chung như chị O đã khai. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu của chị O về nuôi dưỡng con chung. Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị O được ly hôn anh D; về quan hệ con chung: con chung là Trần Lan A đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết về việc nuôi dưỡng, cần giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thanh T và Trần Mai P. Anh Dũng không phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị O không yêu cầu; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Điều Thị O xin ly hôn anh Trần Minh D; anh D có địa chỉ nơi cư trú tại xã L, tỉnh Hưng Yên, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị O và anh Trần Minh D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6/2025 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau và hiện vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm nhau. Anh Dũng mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, còn chị O đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải vì vợ chồng không còn tình cảm. Xét mâu thuẫn giữa chị O và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị O, xử cho chị O được ly hôn anh D là phù hợp với các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: con chung là Trần Lan A đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị O xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thanh T, Trần Mai P và anh D cũng nhất trí. Vì vậy, cần giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thanh T và Trần Mai P. Anh Dũng không phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung do chị O không yêu cầu là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản: chị O và anh D đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: chị O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Điều Thị O được ly hôn anh Trần Minh D.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị Điều Thị O trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 11/3/2008 và Trần Mai P, sinh ngày 17/8/2015 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định.

Anh Dũng không phải góp cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị O. Anh Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** chị Điều Thị O phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị O đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000901 ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** chị Điều Thị O và anh Trần Minh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8 Hưng Yên;
- UBND xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thế Hùng**